



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025**

## MỤC LỤC

|   |           |
|---|-----------|
| <b>I. Thông tin chung .....</b>   | <b>3</b>  |
| 1. Thông tin khái quát .....  | 3         |
| 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....  | 4         |
| 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....  | 5         |
| 4. Định hướng phát triển.....   | 5         |
| 5. Các rủi ro .....   | 6         |
| <b>II. Tình hình hoạt động trong năm .....</b>  | <b>7</b>  |
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....   | 7         |
| 2. Tổ chức và nhân sự.....  | 8         |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án .....  | 8         |
| 4. Tình hình tài chính.....   | 9         |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....   | 10        |
| 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty .....  | 11        |
| <b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban tổng Giám đốc .....</b>   | <b>13</b> |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....   | 13        |
| 2. Tình hình tài chính.....   | 13        |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....   | 14        |
| 4. Kế hoạch phát triển trong năm 2026.....  | 14        |
| 5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....   | 15        |
| 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty .....   | 15        |
| <b>IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty.....</b>  | <b>16</b> |
| 1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội..... | 16        |
| 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc .....   | 17        |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT.....   | 18        |
| <b>V. Quản trị công ty .....</b>  | <b>18</b> |
| 1. Hội đồng quản trị.....   | 18        |
| 2. Ban kiểm soát.....   | 24        |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS .....   | 25        |
| <b>VI. Báo cáo tài chính.....</b>   | <b>26</b> |
| 1. Ý kiến kiểm toán.....  | 26        |
| 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....  | 26        |

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG
- Tên viết tắt: VTGS
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC-UBCK ngày 11/09/2025
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102114655 cấp lần đầu ngày 07/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 26/09/2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp
- Vốn điều lệ: 3.036.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 3.036.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 1 và lửng Tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028) 3730 9999
- Số fax: (028) 3636 1725
- Website: [www.vtgs.vn](http://www.vtgs.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có): Công ty chưa có mã cổ phiếu
- Quá trình hình thành và phát triển:
  - Ngày 11/12/2006, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD với vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng*);
  - Trong năm 2007, chính thức là thành viên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (nay là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam);
  - Ngày 12/02/2008, được UBCKNN chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 71.428.600.000 đồng (*Bảy mươi một tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng*);
  - Ngày 27/02/2009, được UBCKNN chấp thuận rút bớt nghiệp vụ Tự doanh chứng khoán và Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
  - Ngày 04/12/2009, Công ty chuyển trụ sở chính tới Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, TP. Hà Nội;

- Ngày 21/10/2010, được UBCKNN chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 138.000.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi tám tỷ đồng*), đồng thời được cấp phép nghiệp vụ Tự doanh chứng khoán;
- Ngày 04/05/2012, được UBCKNN chấp thuận rút nghiệp vụ Tự doanh chứng khoán;
- Ngày 29/04/2022, trở thành thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Ngày 10/11/2022, được UBCKNN chấp thuận thành lập Văn phòng đại diện tại Tp. Hồ Chí Minh. Sau đó, được UBCKNN chấp thuận đóng cửa Văn phòng đại diện ngày 28/11/2024;
- Ngày 23/12/2024, chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần Chứng khoán VTG, đồng thời chuyển trụ sở chính từ Hà Nội vào Tp. Hồ Chí Minh tại địa chỉ Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 Kỳ Con, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;
- Ngày 08/04/2025, được UBCKNN chấp thuận thành lập Chi nhánh Hà Nội – Công ty cổ phần Chứng khoán VTG ("**Chi nhánh Hà Nội**") tại địa chỉ Tầng 03 Toà nhà Gelex, số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội;
- Ngày 11/08/2025, được UBCKNN chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 3.036.000.000.000 đồng (*Ba nghìn không trăm ba mươi sáu tỷ đồng*);
- Ngày 29/01/2026, được UBCKNN chấp thuận bổ sung nghiệp vụ Tự doanh chứng khoán và Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

### **2.1. Ngành nghề kinh doanh:**

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

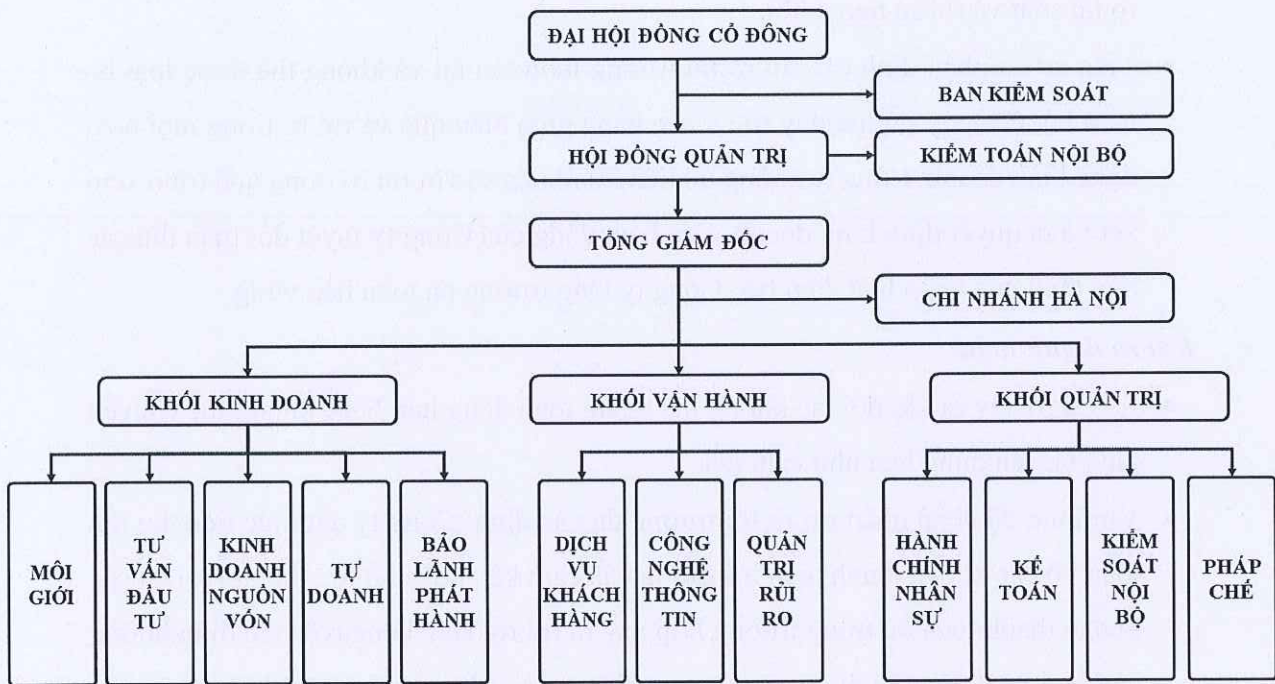
### **2.2. Địa bàn kinh doanh:**

- Trụ sở chính: Tầng 1 và lửng Tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh;

- Chi nhánh Hà Nội: Tầng 03 Toà nhà Gelex, số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- VTGS được tổ chức quản trị theo mô hình công ty cổ phần được quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020. Cơ cấu tổ chức tại ngày 31/12/2025 như sau:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

### 4. Định hướng phát triển

- Trở thành thành viên hoạt động tích cực, từng bước định vị thương hiệu trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính, tiện ích riêng biệt và đa dạng, phát triển nền tảng công nghệ, chú trọng chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng;
- Nâng cao năng lực quản trị về nguồn lực, chi phí, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh hiệu quả, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- Phát triển bền vững trên cơ sở cân bằng giữa tăng trưởng lợi nhuận, kiểm soát rủi ro và trách nhiệm xã hội, tuân thủ các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng và pháp luật Việt Nam nói chung.

## 5. Các rủi ro

Hoạt động quản trị rủi ro của Công ty thực hiện các hoạt động giám sát, ngăn ngừa và phối hợp xử lý các rủi ro có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và khách hàng theo quy định của Công ty và pháp luật chuyên ngành. Các rủi ro trọng yếu bao gồm.

### - **Rủi ro thị trường:**

- Là rủi ro phát sinh từ những thay đổi bất lợi của thị trường về giá trị của các trạng thái hoặc các danh mục tài sản đang sở hữu bao gồm: rủi ro giá chứng khoán, rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối.
- Trên cơ sở nhận định các rủi ro thị trường luôn tồn tại và không thể được loại bỏ hoàn bộ, Công ty nỗ lực duy trì sự cân bằng giữa hiệu quả và rủi ro trong mọi hoạt động kinh doanh. Công ty không ưu tiên lợi nhuận so với rủi ro trong quá trình xem xét và ra quyết định kinh doanh. Các hoạt động của Công ty tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật đảm bảo Công ty tăng trưởng an toàn bền vững.

### - **Rủi ro thanh toán:**

- Là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.
- Với mức độ chấp nhận rủi ro thị trường đã xác định, Công ty đặt mục tiêu thu hồi toàn bộ các khoản thanh toán mà đối tác đã cam kết, hoặc nỗ lực thu hồi tối đa các khoản thanh toán đó trong trường hợp xảy ra rủi ro. Đây là nguyên tắc định hướng của mọi hoạt động kinh doanh và của chiến lược quản trị rủi ro thanh toán.

### - **Rủi ro thanh khoản:**

- Là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trên thị trường.
- Công ty nỗ lực đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính trong mọi trường hợp nhằm đảm bảo việc vận hành liên tục, tránh các rủi ro về nghĩa vụ pháp lý có thể phát sinh từ tình trạng thiếu hoặc mất thanh khoản.

### - **Rủi ro hoạt động:**

- Là rủi ro do các văn bản nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Công ty (bao gồm cả rủi ro pháp lý, rủi ro tuân thủ).

- Rủi ro hoạt động có thể phát sinh từ bên trong (lỗi hệ thống, quy trình, sai sót do con người ...) hoặc bên ngoài (các rủi ro bất khả kháng, do các hành vi lừa đảo, tấn công từ bên ngoài...). Công ty luôn duy trì đầu tư cho nhân lực và hệ thống, sử dụng hiệu quả công cụ bảo hiểm (nếu có) trong quá trình hoạt động.
- **Rủi ro tập trung:**
  - Là rủi ro do Công ty có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, tổ chức phát hành chứng khoán, sản phẩm, ngành hoặc lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của Công ty theo quy định tại từng thời kỳ.
  - Công ty luôn đảm bảo phân tán rủi ro, đảm bảo hoạt động kinh doanh không tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, tổ chức phát hành, sản phẩm, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ...
- **Rủi ro xung đột lợi ích:**
  - Là rủi ro do sự thiếu minh bạch trong quản lý, điều hành và hoạt động, hoặc do tình trạng mâu thuẫn về lợi ích giữa Công ty với cổ đông, người nội bộ, người có liên quan, hoặc do tình trạng các đối tượng đó lợi dụng Công ty để thu lợi ích riêng cho tập thể, tổ chức và cá nhân mình.
  - Đảm bảo tính minh bạch, công bằng, nhận diện, phòng ngừa và ngăn chặn xung đột lợi ích của các nhân, tổ chức hoặc các bên liên quan là một mục tiêu quan trọng khác mà Công ty luôn đảm bảo trong quá trình hoạt động.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- VTGS đã hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ từ 138 tỷ đồng lên 3.036 tỷ đồng từ tháng 08/2025, tạo nền tảng tài chính vững chắc cho việc triển khai hoạt động kinh doanh. Đến thời điểm 31/12/2025, tổng giá trị giải ngân cho vay giao dịch ký quỹ ("**GDKQ**") và ứng trước tiền bán đã đạt hơn 1.652 tỷ đồng, trong đó riêng giải ngân cho vay GDKQ là hơn 1.627 tỷ đồng.
- Ngoài ra, Chi nhánh Hà Nội chính thức đi vào hoạt động từ tháng 04/2026, góp phần mở rộng thị trường và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Bắc.
- Đưa hệ thống công nghệ thông tin ("**CNTT**") mới (đầu tư từ cuối năm 2024) vào vận hành chính thức từ tháng 01/2025, giúp cải thiện hiệu quả quản lý, tăng cường kiểm soát rủi ro và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành tại ngày 31/12/2025 như sau:

| STT | Họ và tên           | Chức vụ   | Thông tin trích ngang   |
|-----|---------------------|---|---|
| 1   | Ông Thái Hoàng Long | Chủ tịch Hội đồng quản trị (“ <b>HDQT</b> ”) kiêm Tổng giám đốc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh</li> <li>- Kinh nghiệm 18 năm trong lĩnh vực chứng khoán</li> <li>- Quá trình công tác: CTCP Chứng khoán Nhất Việt, CTCP Chứng khoán IB (nay là CTCP Chứng khoán VIX), CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam, CTCP Chứng khoán VIX</li> <li>- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không</li> <li>- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại VTGS: 0%</li> </ul> |
| 2   | Bà Hồ Thị Kiều      | Kế toán trưởng  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử nhân Kế toán, cử nhân Luật học</li> <li>- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại VTGS: 0%</li> </ul>  |

### 2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

| STT | Họ và tên                | Chức vụ       | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|--------------------------|---------------|--|
| 1   | Ông Thái Hoàng Long      | Tổng giám đốc | Bổ nhiệm ngày 19/09/2025                           |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Tổng giám đốc | Miễn nhiệm ngày 19/09/2025                         |

### 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Được trình bày tại Mục II.6.6 bên dưới.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

### 3.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Tiếp tục triển khai đầu tư và thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng phân mềm giao dịch chứng khoán Flex đã được HDQT số 269/2024/NQ-HDQT ngày 23/09/2024.

### 3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

- Không có

## 4. Tình hình tài chính

### 4.1. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu                          | Năm 2025<br>(đồng) | Năm 2024<br>(đồng) | Tăng/giảm<br>(%) |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|------------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 3.036.019.390.239  | 130.183.552.963    | 2.232,11         |
| Doanh thu thuần                   | 77.523.866.071     | 2.778.332.597      | 279,03           |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 27.531.622.220     | 13.749.559.119     | 200,24           |
| Lợi nhuận khác                    | (33.255.249)       | (479.599.767)      | 93,07            |
| Lợi nhuận trước thuế              | 29.013.484.666     | 13.620.522.586     | 113,01           |
| Lợi nhuận sau thuế                | 25.668.495.021     | 13.620.522.586     | 88,45            |

### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu   | Năm 2025 | Năm 2024 | Đơn vị |
|--|----------|----------|--------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                                    |          |          |        |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn               | 398,78   | 3,33     | lần    |
| + Hệ số thanh toán nhanh:<br>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn | 398,78   | 3,33     | lần    |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>   |          |          |        |
| + Hệ số Nợ / Tổng tài sản  | 0,002    | 0,19     | lần    |
| + Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu  | 0,002    | 0,24     | lần    |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                                     |          |          |        |
| + Vòng quay hàng tồn kho:<br>Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân       | -        | -        |        |
| + Vòng quay tổng tài sản:<br>Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân        | 0,05     | 0,03     | lần    |

| Chỉ tiêu   | Năm 2025 | Năm 2024 | Đơn vị |
|--|----------|----------|--------|
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                        |          |          |        |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần                   | 33,11    | 490,24   | %      |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu                    | 0,85     | 12,99    | %      |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản                      | 0,85     | 10,46    | %      |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /<br>Doanh thu thuần | 35,51    | (72,48)  | %      |

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### 5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 303.600.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: 303.600.000 cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 303.600.000 cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

##### 5.2. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2025:

- Phân loại theo cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:

| STT              | Cổ đông                   | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ          |
|------------------|---------------------------|--------------------------|----------------|
| <b>I</b>         | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>154.836.000</b>       | <b>51,00%</b>  |
|                  | Cá nhân                   | 22.673.193               | 7,47%          |
|                  | Tổ chức                   | 132.162.807              | 43,53%         |
| <b>II</b>        | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>148.764.000</b>       | <b>49,00%</b>  |
|                  | Cá nhân                   | 0                        | 0%             |
|                  | Tổ chức                   | 148.764.000              | 49,00%         |
| <b>III</b>       | <b>Cổ đông nhà nước</b>   | <b>0</b>                 | <b>0%</b>      |
| <b>Tổng cộng</b> |                           | <b>303.600.000</b>       | <b>100,00%</b> |

- Phân loại theo tỷ lệ sở hữu:

| STT              | Cổ đông                                  | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ          |
|------------------|--|--------------------------|----------------|
| 1                | Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần trở lên | 280.926.807              | 92,53%         |
| 2                | Các cổ đông còn lại                      | 22.673.193               | 7,47%          |
| <b>Tổng cộng</b> |  | <b>303.600.000</b>       | <b>100,00%</b> |

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty: 100% vốn điều lệ.

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

| Thời điểm | Vốn điều lệ trước thay đổi (đồng) | Vốn điều lệ sau thay đổi (đồng) | Hình thức                              | Đơn vị chấp thuận |
|-----------|-----------------------------------|---------------------------------|--|-------------------|
| Năm 2006  | 50.000.000.000                    |                                 | Thành lập ban đầu                      | UBCKNN            |
| Năm 2008  | 50.000.000.000                    | 71.428.600.000                  | Chào bán cổ phiếu riêng lẻ             | UBCKNN            |
| Năm 2010  | 71.428.600.000                    | 138.000.000.000                 | Chào bán cổ phiếu riêng lẻ             | UBCKNN            |
| Năm 2025  | 138.000.000.000                   | 3.036.000.000.000               | Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | UBCKNN            |

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**5.5. Các chứng khoán khác:** Không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

Do đặc thù doanh nghiệp hoạt động không liên quan đến lĩnh vực sản xuất, lượng tiêu thụ điện và nước chủ yếu phục vụ cho hoạt động vận hành văn phòng và hệ thống cơ sở dữ liệu. Tuy nhiên, VTGS ý thức được tầm quan trọng của tài nguyên thiên nhiên, năng lượng điện, nước; luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, chú trọng xây dựng không gian làm việc thân thiện cho người lao động, xây dựng văn hóa doanh nghiệp xanh.

**6.1 Tác động lên môi trường:** Không có

**6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:** Không có

**6.3 Tiêu thụ năng lượng:** Được trình bày tại Mục III.6

**6.4 Tiêu thụ nước:** Được trình bày tại Mục III.6

**6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có;
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

### **6.6 Chính sách liên quan đến người lao động**

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
  - Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty có tổng số 53 nhân viên với mức lương trung bình khoảng 24.000.000 đồng/người/tháng (không bao gồm lương, thù lao của Ban lãnh đạo).
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
  - Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các nhân viên được ký hợp đồng lao động, có chế độ lương tháng 13, chế độ đãi ngộ, khen thưởng phù hợp với kết quả công việc và đóng góp theo năng lực;
  - Quan tâm chăm lo đời sống tinh thần như thăm hỏi ốm đau / hiếu hỉ, tặng quà / tổ chức các hoạt động tập thể nhân dịp sinh nhật, các ngày lễ trong năm nhằm nâng cao sự gắn kết nội bộ;
  - Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị và điều kiện làm việc phù hợp, đảm bảo các tiêu chuẩn về công tác phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động.
- Hoạt động đào tạo người lao động:
  - Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ và các kỹ năng cần thiết trong quá trình làm việc cho nhân viên, tuân thủ các quy định hiện hành và quy định nội bộ của Công ty;
  - Hỗ trợ nguồn kinh phí, tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên theo học các khóa học do UBCKNN, do các Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức (nếu có);
  - Tích cực tham gia các chương trình hội thảo, tập huấn do các cơ quan chức năng tổ chức như UBCKNN, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Sở giao dịch chứng khoán TP HCM (HOSE), cơ quan thuế, bảo hiểm xã hội, ...

**6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:** Được trình bày tại Mục III.6

**6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:**  
Không có

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| Chỉ tiêu   | Năm 2025<br>(đồng) | Năm 2024<br>(đồng) | Biến động<br>(%) |
|--|--------------------|--------------------|------------------|
| <b>Tổng doanh thu</b><br>(Doanh thu hoạt động; Doanh thu tài chính và Doanh thu khác)    | 79.040.014.531     | 3.128.895.831      | 2.426,13         |
| <b>Tổng chi phí</b><br>(Chi phí hoạt động và quản lý; Chi phí Tài chính và Chi phí khác) | 53.371.519.510     | (10.491.626.755)   | -                |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>  | 25.668.495.021     | 13.620.522.586     | 88,45            |

- Sau khi hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 138 tỷ lên 3.036 tỷ trong quý 3 năm 2025, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, chủ yếu ở nghiệp vụ môi giới chứng khoán. Vì thế, tổng doanh thu năm 2025 đạt hơn 79 tỷ, tăng 2.426,13% so với cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu đến từ Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, Lãi cho vay và Doanh thu nghiệp vụ môi giới;
- Tổng chi phí năm 2025 ghi nhận hơn 53,3 tỷ, chủ yếu do Công ty đã đầu tư hệ thống CNTT phục vụ hoạt động giao dịch chứng khoán và tăng cường tuyển dụng, bổ sung đội ngũ nhân sự, nhằm đẩy mạnh kinh doanh sau khi tăng vốn;
- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt gần 25,7 tỷ đồng, tăng 88,45% so với năm 2024.

#### 2. Tình hình tài chính

##### 2.1 Tình hình tài sản

| Chỉ tiêu                        | Năm 2025<br>(đồng)       | Năm 2024<br>(đồng)     | Biến động<br>(%) |
|---------------------------------|--------------------------|------------------------|------------------|
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>         | <b>2.987.819.517.022</b> | <b>84.300.027.008</b>  | <b>3.444,27</b>  |
| Tài sản tài chính               | 2.987.085.484.560        | 81.972.736.252         | 3.544,00         |
| Tài sản ngắn hạn khác           | 734.032.462              | 2.327.290.756          | (68,46)          |
| <b>Tài sản dài hạn</b>          | <b>48.199.873.217</b>    | <b>45.883.525.955</b>  | <b>5,05</b>      |
| Tài sản cố định                 | 29.317.718.931           | 3.743.573.332          | 683,15           |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 9.215.000.000            | 32.041.407.000         | (71,24)          |
| Tài sản dài hạn khác            | 9.667.154.286            | 10.098.545.623         | (4,27)           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>        | <b>3.036.019.390.239</b> | <b>130.183.552.963</b> | <b>2.232,11</b>  |

- Thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của VTGS đạt hơn 3.036 tỷ đồng, tăng 2.232,11% so với đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty tăng vốn điều lệ từ 138 tỷ lên 3.036 tỷ trong quý 3 năm 2025 và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh. Vì vậy, tài sản từ các Khoản cho vay và Các khoản phải thu đều tăng cao so với đầu năm.

## **2.2 Tình hình nợ phải trả**

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:
  - Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nợ phải trả của VTGS đạt hơn 7,49 tỷ đồng, trong đó 100% là nợ ngắn hạn (chủ yếu đến từ khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động), tương đương 0,25% tổng nguồn vốn. Nợ phải trả đã giảm đáng kể so với đầu năm (hơn 25,3 tỷ đồng) do Công ty đã thực hiện thanh toán các khoản liên quan đến mua sắm trang thiết bị và tài sản dài hạn cho nhà cung cấp;
  - Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản nợ nói trên.
- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- Đến thời điểm phát hành báo cáo, VTGS đã hoàn thành tái cơ cấu tổ chức, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự có trình độ có kinh nghiệm, năng lực chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai và đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị và kiểm soát nội bộ.
- Trong năm, Công ty đã ban hành và cập nhật nhiều quy chế, quy trình, quy định nội bộ nhằm chuẩn hóa hoạt động và bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật.
- Tăng cường phối hợp giữa các phòng, bộ phận trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý và vận hành.

## **4. Kế hoạch phát triển trong năm 2026**

- Tập trung phát triển đội ngũ nhân sự, triển khai hiệu quả các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đã được cấp phép thực hiện;
- Hoàn thành việc xin cấp phép giao dịch công cụ nợ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tạo tiền đề mở rộng hoạt động kinh doanh trên thị trường trái phiếu.

## **5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

- Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C với ý kiến chấp nhận toàn phần.

## **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):
  - Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực Chứng khoán – Tài chính thì việc sử dụng các tài nguyên môi trường như điện, nước... chỉ chiếm giá trị nhỏ trong chi phí hoạt động hàng ngày của Công ty. Tuy nhiên, VTGS luôn ý thức được tầm quan trọng của các tài nguyên hữu hạn đó và nhận định việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm nhằm bảo vệ môi trường sống và làm việc xanh sạch đẹp;
  - Các nhân viên trong Công ty luôn chú trọng đến việc tiết kiệm nước và tiêu thụ điện năng thông qua việc tắt các thiết bị khi không có nhu cầu sử dụng, định kỳ kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng hệ thống máy móc và thay thế ngay khi cần thiết;
  - Tăng cường ứng dụng công nghệ số (eKYC, giao dịch trực tuyến), khuyến khích và từng bước sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số nhằm hạn chế phát thải gián tiếp từ hoạt động đi lại, giảm sử dụng tài nguyên, tiêu thụ giấy;
  - Ngoài ra, Công ty cũng luôn khuyến khích các nhân viên hạn chế sử dụng túi nilon, hộp nhựa xốp đóng gói và sản phẩm nhựa dùng một lần nhằm giảm tối đa ảnh hưởng xấu đến môi trường đất và nước...
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:
  - Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi theo quy định của pháp luật và chính sách nội bộ như làm việc 8 giờ/ngày, nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản, bảo đảm quyền lợi cho nhân viên tương xứng với trình độ và năng lực của người lao động;
  - Quan tâm đến đời sống tinh thần và sức khỏe của đội ngũ nhân viên, có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ, tổ chức các hoạt động tập thể cho người lao động hàng năm; chế độ khen thưởng, phúc lợi được gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - Thực hiện chính sách tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân sự dựa trên năng lực và hiệu quả công việc, không phân biệt giới tính, độ tuổi hay hoàn cảnh cá nhân. Trong năm, Công ty không phát sinh tranh chấp lao động hoặc sự cố liên quan đến quyền

lợi của người lao động. Tỷ lệ biến động nhân sự ở mức thấp, phản ánh sự ổn định và mức độ gắn kết của người lao động đối với Công ty.

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Thông qua việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, VTGS hướng đến mục tiêu:
  - Tạo công việc ổn định cho người lao động và đào tạo nhân lực chất lượng cao tại các địa phương mà VTGS có Trụ sở/Chi nhánh;
  - Hỗ trợ phát triển kinh tế, tăng mức đóng góp vào Ngân sách nhà nước;
  - Tuân thủ quy định của pháp luật và các quy định của các cơ quan quản lý nhằm góp phần tăng tính minh bạch trong hoạt động của thị trường chứng khoán.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**

- Nằm trong lộ trình kiện toàn nhân sự cấp cao, với mục tiêu tăng cường công tác quản trị, điều hành, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh ngay khi được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 3.036 tỷ đồng, VTGS đã gia tăng số lượng thành viên HĐQT từ 04 thành viên lên 05 thành viên. Thông tin chi tiết của các thành viên HĐQT được trình bày tại Mục V.1 dưới đây;
- Các thành viên HĐQT đã tham dự đầy đủ các cuộc họp / các đợt lấy ý kiến, đóng góp và đưa ra những đề xuất, kiến nghị thiết thực phù hợp với hoạt động Công ty, triển khai các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thông qua, thực hiện vai trò quản trị theo quy định tại Điều lệ và pháp luật hiện hành;
- Các công việc đã thực hiện trong năm 2025:
  - Hoàn thành việc thành lập Chi nhánh Hà Nội – Công ty cổ phần Chứng khoán VTG;
  - Hoàn thành việc tăng vốn từ 138 tỷ đồng lên 3.036 tỷ đồng và đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh, GDKQ ngay sau khi tăng vốn thành công;
  - Hoàn thành việc kiện toàn cơ cấu tổ chức và bộ khung nhân sự, bao gồm nhân sự cấp cao và các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời tăng cường đội ngũ nhân sự về kinh doanh ở cả Trụ sở chính Công ty và Chi nhánh Hà Nội;

- Triển khai thực hiện việc xin bổ sung nghiệp vụ kinh doanh bao gồm: tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Sau khi được UBCK chấp thuận 02 nghiệp vụ nêu trên, Công ty có đủ 04 nghiệp vụ kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - Thành lập Ban phê duyệt cho vay GDKQ riêng biệt trực thuộc HĐQT, tăng cường quản trị và kiểm soát rủi ro trong mảng kinh doanh cốt lõi của Công ty;
  - Tổ chức xây dựng, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy trình, quy định cần thiết phục vụ hoạt động của Công ty, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành.
- VTGS xác định phát triển bền vững là một trong những định hướng trọng tâm trong hoạt động kinh doanh, hướng tới cân bằng giữa hiệu quả kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động được trình bày tại Mục III.6.

## 2. **Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc**

- Ban Tổng giám đốc Công ty gồm 01 (một) người, là Tổng giám đốc (“**TGD**”) được bổ nhiệm từ tháng 09/2025. Trong thời gian qua, TGD đã chủ động trong công việc, xây dựng tổ chức các phòng ban, tuyển dụng nhân sự phù hợp, tổ chức triển khai công việc nhanh chóng và sâu sát để thực hiện các nhiệm vụ được giao qua các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT. Trong quá trình thực hiện, TGD báo cáo kịp thời các vấn đề phát sinh và xin ý kiến chỉ đạo, phê duyệt từ HĐQT đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty;
- Ngoài ra, BTGD cũng đã thực hiện ban hành các quy trình, quy định cho các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành của các phòng, ban nói chung và từng nhân sự chuyên trách nói riêng;
- Nhìn chung, BTGD đã bám sát và tuân thủ nghiêm túc các nội dung được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt để có cơ sở thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao trong năm 2025.
- Trong năm, Ban TGD đã tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, bao gồm:
- Kiện toàn cơ cấu tổ chức và đội ngũ quản lý, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các phòng, bộ phận;
  - Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nội bộ theo hướng chuẩn hóa và tăng cường kiểm soát rủi ro;

- Tăng cường quản trị tài chính, kiểm soát chi phí và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực;
- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyên đổi số nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và chất lượng dịch vụ.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

- Trong năm 2026, HĐQT định hướng VTGS bước vào giai đoạn phát triển mở rộng trên nền tảng năng lực tài chính được củng cố và hệ thống quản trị ngày càng hoàn thiện;
- Các kế hoạch lớn trong năm 2026 gồm có:
  - Tập trung vào mảng kinh doanh cốt lõi cho vay phục vụ GDKQ để đảm bảo hiệu quả và quản trị rủi ro;
  - Triển khai dự án xây dựng gói sản phẩm và dịch vụ đặc thù phục vụ bán lẻ, cụ thể: nâng cấp phần mềm core và gia tăng nhân sự phù hợp về CNTT và môi giới bán lẻ;
  - Đồng thời hoàn thiện hệ thống vận hành phù hợp, nâng cao chất lượng quản trị rủi ro và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

- Cơ cấu HĐQT tại thời điểm 31/12/2025 như sau:

| STT | Thành viên HĐQT      | Chức vụ                 | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | Chức danh quản lý nắm giữ tại Công ty khác   |
|-----|----------------------|-------------------------|--|--|
| 1   | Ông Thái Hoàng Long  | Chủ tịch HĐQT           | -  |  |
| 2   | Ông Nguyễn Thành Phú | Thành viên HĐQT độc lập | -  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người đại diện pháp luật - Giám đốc Công ty TNHH Công nghệ ITECH ASIA</li> <li>- Người đại diện pháp luật - Giám đốc Công ty TNHH RISK NOVA ADVISORY</li> </ul> |

|   |                          |                         |   |  |
|---|--------------------------|-------------------------|---|--|
| 3 | Bà Võ Huỳnh Ngọc         | Thành viên HĐQT độc lập | - |  |
| 4 | Ông Lê Quốc Trung        | Thành viên HĐQT         | - | - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Thành viên HĐQT         | - |  |

### 1.2 Các tiểu ban thuộc HĐQT:

- Ban phê duyệt cho vay GDKQ riêng biệt (“**Ban phê duyệt**”) trực thuộc HĐQT được thành lập theo Nghị quyết HĐQT số 20/2025/VTGS-NQHDQT ngày 19/08/2025, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được HĐQT giao phó.

### 1.3 Hoạt động của HĐQT:

- Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 26 cuộc họp / lấy ý kiến bằng văn bản, thảo luận và phê duyệt các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền để định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

| STT | Số Nghị quyết/Biên bản | Ngày       | Nội dung thông qua  |
|-----|------------------------|------------|---|
| 1   | 01-1/2025/VTGS-NQHDQT  | 10/01/2025 | - Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty đối với bà Phan Việt Hà theo nguyện vọng cá nhân từ ngày 10/01/2025.  |
|     | 01-2/2025/VTGS-NQHDQT  | 10/01/2025 | - Miễn nhiệm vị trí Phụ trách Kiểm toán nội bộ đối với bà Hồ Thị Kiều từ ngày 10/01/2025;<br>- Bổ nhiệm bà Hồ Thị Diệp Thúy vào vị trí Phụ trách Kiểm toán nội bộ của Công ty từ ngày 10/01/2025.                               |
|     | 01-3/2025/VTGS-NQHDQT  | 10/01/2025 | - Bổ nhiệm bà Hồ Thị Kiều giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty từ ngày 10/01/2025.  |
|     | 01-4/2025/VTGS-NQHDQT  | 10/01/2025 | - Hủy bỏ ngày chốt danh sách cổ đông hiện hữu tại ngày 02/12/2024;<br>- Lựa chọn thời điểm phù hợp để trình HĐQT về việc chốt danh sách cổ đông hiện hữu, trình ĐHCĐ thông qua toàn văn Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty. |

| STT | Số Nghị quyết/Biên bản | Ngày       | Nội dung thông qua   |
|-----|------------------------|------------|--|
| 2   | 02/2025/VTGS-NQHDQT    | 14/02/2025 | - Ngày chốt danh sách cổ đông hiện hữu để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản là ngày 10/03/2025.  |
| 3   | 03-1/2025/VTGS-NQHDQT  | 21/02/2025 | - Điều chỉnh nội dung Nghị quyết số 301/2024/NQ-HĐQT ngày 04/10/2024 về việc thành lập Chi nhánh Hà Nội.   |
|     | 03-2/2025/VTGS-NQHDQT  | 21/02/2025 | - Giao và ủy quyền cho TGD Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự của Chi nhánh Hà Nội.  |
| 4   | 04/2025/VTGS-NQHDQT    | 10/03/2025 | - Các vấn đề dự kiến trình cổ đông để thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản, hồ sơ gửi cổ đông và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thực hiện các công việc liên quan.  |
| 5   | 05/2025/VTGS-NQHDQT    | 24/03/2025 | - Triển khai việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu hiện có theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 24/03/2025 và thời gian nộp Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”).    |
| 6   | 06/2025/VTGS-NQHDQT    | 25/04/2025 | - Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Nghị quyết HĐQT số 05/2025/VTGS-NQHDQT ngày 24/03/2025.   |
| 7   | 07/2025/VTGS-NQHDQT    | 29/04/2025 | - Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025;<br>- Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2025;<br>- Giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thực hiện các công việc nhằm tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2025. |
| 8   | 08/2025/VTGS-NQHDQT    | 29/04/2025 | - Mua xe ô tô sử dụng tại Chi nhánh Hà Nội.  |
| 9   | 09/2025/VTGS-NQHDQT    | 21/05/2025 | - Thông qua toàn văn và ban hành Quy chế tài chính Công ty;<br>- Bỏ nhiệm Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ Công ty đối với bà Đào Thị Yến, đồng thời miễn   |

| STT | Số Nghị quyết/Biên bản | Ngày       | Nội dung thông qua   |
|-----|------------------------|------------|--|
|     |                        |            | nhiệm vị trí phụ trách Kiểm toán nội bộ đối với bà Hồ Thị Diệp Thúy.   |
| 10  | 10/2025/VTGS-NQHDQT    | 23/05/2025 | - Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu hiện có để tăng vốn điều lệ.  |
| 11  | 11/2025/VTGS-NQHDQT    | 05/06/2025 | - Thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025;<br>- Các nội dung trình Đại hội;<br>- Tài liệu gửi cổ đông.  |
| 12  | 12/2025/VTGS-NQHDQT    | 05/06/2025 | - Ủy quyền cho Chi nhánh Hà Nội thực hiện hoạt động lưu ký chứng khoán.  |
| 13  | 13/2025/VTGS-NQHDQT    | 09/07/2025 | - Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét các Báo cáo tài chính, Báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính cho năm tài chính 2025 và Báo cáo vốn chủ sở hữu của Công ty;<br>- Giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT triển khai thực hiện. |
| 14  | 14/2025/VTGS-NQHDQT    | 10/07/2025 | - Thông qua việc Công ty tiếp tục ký hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị Thanh Thủy ở vị trí TGD Công ty.  |
| 15  | 15/2025/VTGS-NQHDQT    | 10/07/2025 | - Thông qua việc Công ty tiếp tục ký hợp đồng lao động với ông Lê Quốc Trung ở vị trí Giám đốc khối Quản trị Công ty.  |
| 16  | 16/2025/VTGS-NQHDQT    | 21/07/2025 | - Thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu hiện có để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/VTGS-NQDHDĐCĐ ngày 24/03/2025;<br>- Thông qua dự thảo Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của VTGS.                     |
| 17  | 17/2025/VTGS-BBHDQT    | 31/07/2025 | - Hiện trạng hồ sơ pháp lý của VTGS đến thời điểm 31/07/2025;<br>- Báo cáo tiến độ và kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ Đợt chào bán trong năm 2025;<br>- Phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT.   |

C. TY AN HOA G. HO C.

| STT | Số Nghị quyết/Biên bản | Ngày       | Nội dung thông qua   |
|-----|------------------------|------------|--|
| 18  | 18/2025/VTGS-NQHDQT    | 05/08/2025 | - Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ Đợt chào bán trong năm 2025.  |
| 19  | 19/2025/VTGS-NQHDQT    | 15/08/2025 | - Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Thanh Thủy từ thời điểm VTGS nhận được chấp thuận của UBCKNN về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật;<br>- Bỏ nhiệm ông Thái Hoàng Long làm Chủ tịch HĐQT từ thời điểm VTGS nhận được chấp thuận của UBCKNN về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật. |
| 20  | 20/2025/VTGS-NQHDQT    | 19/08/2025 | - Thành lập Ban phê duyệt cho vay GDKQ riêng biệt trực thuộc HĐQT Công ty;<br>- Thông qua toàn văn Quy định chức năng, nhiệm vụ, quy trình phê duyệt của Ban phê duyệt.  |
| 21  | 21-1/2025/VTGS-NQHDQT  | 19/09/2025 | - Bỏ nhiệm ông Thái Hoàng Long, Chủ tịch HĐQT, giữ vị trí TGD thay bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, hiệu lực từ ngày 19/09/2025.  |
|     | 21-2/2025/VTGS-NQHDQT  | 19/09/2025 | - Thông qua Quy chế hoạt động của Ban TGD.   |
| 22  | 22/2025/VTGS-NQHDQT    | 07/10/2025 | - Thông qua dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của bộ phận Kiểm toán nội bộ;<br>- Thông qua dự thảo Kế hoạch Kiểm toán nội bộ cho năm 2025.  |
| 23  | 23/2025/VTGS-NQHDQT    | 21/11/2025 | - Thông qua báo cáo tình hình sử dụng vốn thực tế theo Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ Đợt chào bán trong năm 2025 (được phê duyệt theo Nghị quyết số 18/2025/VTGS-NQHDQT ngày 05/08/2025) và Kế hoạch giải ngân cuối năm.  |
| 24  | 24/2025/VTGS-NQHDQT    | 28/11/2025 | - Thông qua các dự thảo về Quản trị rủi ro, bao gồm: Quy chế Quản trị rủi ro, Chính sách Quản trị rủi ro, Hạn mức kiểm soát rủi ro.<br>- Thông qua dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động hệ thống Kiểm soát nội bộ.   |

| STT | Số Nghị quyết/Biên bản | Ngày       | Nội dung thông qua  |
|-----|------------------------|------------|---|
| 25  | 25/2025/VTGS-NQHĐQT    | 23/12/2025 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn nhiệm chức vụ Người đứng đầu chi nhánh – Giám đốc chi nhánh của Chi nhánh Hà Nội đối với ông Tạ Minh Thành từ thời điểm được UBCKNN chấp thuận.</li> <li>- Bỏ nhiệm ông Lê Quốc Trung giữ vị trí Người đứng đầu chi nhánh – Giám đốc chi nhánh của Chi nhánh Hà Nội từ thời điểm được UBCKNN chấp thuận.</li> </ul> |
| 26  | 26/2025/VTGS-NQHĐQT    | 26/12/2025 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua nhu cầu và phương án vay vốn năm 2025 – 2026 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (“<i>VietinBank – CN TP.HCM</i>”);</li> <li>- Thông qua dự thảo các tài liệu xin cấp giới hạn tín dụng tại VietinBank – CN TP.HCM.</li> </ul>   |

- Rà soát, tổ chức xây dựng, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy trình, quy định cần thiết phục vụ hoạt động của Công ty, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành;
- Kiện toàn nhân sự cấp cao: gia tăng số lượng thành viên HĐQT nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm và sự chủ động của HĐQT, tăng cường công tác quản trị và điều hành.

**1.4 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập, hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:**

- Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định, nghiên cứu kỹ tài liệu họp, chủ động trao đổi và đưa ra ý kiến độc lập, khách quan đối với các nội dung trình HĐQT xem xét, thông qua;
- Trong năm 2025, Ban phê duyệt xem xét, đánh giá mức độ phù hợp và đưa ra các quyết định liên quan đến hoạt động GDKQ theo thẩm quyền được giao theo quy định nội bộ của Công ty, tuân thủ Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

**1.5 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:**  
 Không có.

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát “BKS” tại ngày 31/12/2025:

| STT | Thành viên BKS          | Chức vụ        | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | Trình độ chuyên môn  |
|-----|-------------------------|----------------|--|----------------------|
| 1   | Ông Phạm Trương Tấn Đức | Trưởng BKS     | -  | Cử nhân kiểm toán    |
| 2   | Bà Võ Thị Lũy           | Thành viên BKS | -  | Cử nhân luật         |
| 3   | Bà Nguyễn Vũ Thùy Ngân  | Thành viên BKS | -  | Cử nhân luật kinh tế |

### 2.2 Hoạt động của BKS:

- Thực hiện các cuộc họp định kỳ và bất thường, trao đổi việc giám sát hoạt động của HĐQT quản trị và Ban điều hành của Công ty. Các cuộc họp được Trưởng BKS chủ trì với sự tham dự đầy đủ của toàn bộ thành viên. Mọi nội dung họp đều được ghi chép và lưu trữ đầy đủ trong biên bản theo đúng quy định. Các cuộc họp của BKS trong năm 2025 như sau:

| STT | Số Biên bản        | Ngày       | Nội dung thông qua  |
|-----|--------------------|------------|---|
| 1   | 01/2025/VTGS-BBBKS | 24/03/2025 | Trình ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua:<br>- Toàn văn Quy chế hoạt động và Quy trình kiểm soát của BKS;<br>- Ủy quyền Trưởng BKS ban hành Quy chế hoạt động và Quy trình kiểm soát của BKS sau khi được ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua. |
| 2   | 02/2025/VTGS-BBBKS | 16/05/2025 | Trình ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua:<br>- Báo cáo hoạt động của BKS trong năm 2024;<br>- Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025.   |
| 3   | 03/2025/VTGS-BBBKS | 10/12/2025 | Đánh giá hoạt động của BKS trong năm 2025   |

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT của Công ty, tham gia và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp/lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, với trọng tâm là việc triển khai chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/VTGS-NQDHDĐCD ngày 24/03/2025 và theo sự chấp thuận của UBCKNN. Đồng thời, giám sát việc thực hiện Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ Đợt chào bán trong năm 2025;
- Đánh giá tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS**

#### **3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD:**

- Được trình bày tại Phần X – Thuyết minh Báo cáo tài chính trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.

#### **3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:**

- Không có.

#### **3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:**

- Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện các giao dịch với người nội bộ liên quan đến việc:
  - Tiếp tục ký hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị Thanh Thủy theo Nghị quyết HĐQT số 14/2025/VTGS-NQHDQT ngày 10/07/2025.
  - Tiếp tục ký hợp đồng lao động với ông Lê Quốc Trung theo Nghị quyết HĐQT số 15/2025/VTGS-NQHDQT ngày 10/07/2025.
  - Ký hợp đồng lao động với ông Thái Hoàng Long theo Nghị quyết HĐQT số 21-1/2025/VTGS-NQHDQT ngày 19/09/2025.
- Việc ký kết hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, ông Lê Quốc Trung và ông Thái Hoàng Long được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

### 3.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- HĐQT, Ban TGD và BKS đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm được quy định tại Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và pháp luật hiện hành. Các hoạt động quản trị được triển khai trên nguyên tắc minh bạch, thận trọng, và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- Cơ cấu HĐQT và BKS hiện tại là phù hợp và cân đối giữa các thành viên có chuyên môn, kinh nghiệm, là cơ sở thực hiện hiệu quả vai trò định hướng chiến lược và giám sát các kế hoạch được đề ra;
- Cơ chế phối hợp và giám sát được duy trì hiệu quả trong hoạt động quản trị và điều hành, từng bước củng cố, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nội bộ và tăng cường công tác kiểm soát tuân thủ.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán VTG tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 của VTGS được đính kèm theo Báo cáo thường niên 2025 này.

#### Nơi nhận:

- UBCKNN, VNX;
- Lưu.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**THÁI HOÀNG LONG**



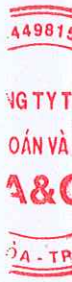
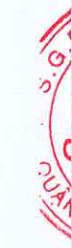
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CHỨNG KHOÁN VTG**

## MỤC LỤC

|   | Trang   |
|---|---------|
| 1. Mục lục  | 1       |
| 2. Báo cáo của Tổng Giám đốc  | 2 - 3   |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập  | 4 - 5   |
| 4. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025  | 6 - 8   |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động<br>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025                  | 9 - 10  |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025                 | 11 - 13 |
| 7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu<br>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 14      |
| 8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính<br>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025          | 15 - 40 |

\*\*\*\*\*



## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VTG (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán VTG (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín) thành lập và hoạt động theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 01 năm 2026 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội (nay là Sở Tài chính TP. Hà Nội) và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102114655 thay đổi lần thứ 06 ngày 26 tháng 9 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP. Hà Nội và Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp các giấy phép điều chỉnh liên quan đến tăng vốn điều lệ, bổ sung và loại bỏ một số ngành nghề kinh doanh, thay đổi địa chỉ trụ sở,....

Trụ sở hoạt động của Công ty tại tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty có Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Chứng khoán VTG đặt tại địa chỉ tầng 3, tòa nhà Gelex Tower, số 52 đường Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán (theo Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 01 năm 2026 và xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp ngày 05 tháng 3 năm 2026 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp).

### **Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

| Họ và tên                | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/ngày miễn nhiệm       |
|--------------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Thái Hoàng Long      | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 9 năm 2025   |
|                          | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025   |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Chủ tịch   | Miễn nhiệm ngày 11 tháng 9 năm 2025 |
|                          | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2024   |
|                          | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024   |
| Bà Võ Huỳnh Ngọc         | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024   |
| Ông Nguyễn Thành Phú     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2024   |
| Ông Lê Quốc Trung        | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2024   |

#### **Ban kiểm soát**

| Họ và tên               | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm                     |
|-------------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Phạm Trương Tấn Đức | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2024 |
| Bà Võ Thị Lữ            | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2024 |
| Bà Nguyễn Vũ Thùy Ngân  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2024 |



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Tổng Giám đốc

| Họ và tên                | Chức vụ       | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|--------------------------|---------------|-------------------------------------|
| Ông Thái Hoàng Long      | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2025   |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2025 |

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên                | Chức vụ                    | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|--------------------------|----------------------------|-------------------------------------|
| Ông Thái Hoàng Long      | Chủ tịch Hội đồng quản trị | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 9 năm 2025   |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Chủ tịch Hội đồng quản trị | Miễn nhiệm ngày 11 tháng 9 năm 2025 |

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

## Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026



Thái Hoàng Long  
Tổng Giám đốc



Số 1.0424/26/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VTG (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý về các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán VTG tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- C  
3 T  
HÃ  
KH  
TG  
HỒ

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 25 tháng 3 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Trần Thị Thùy Quyên**

**Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1539-2023-008-1

Người được ủy quyền

**Nguyễn Thị Phước Tiên**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND         |                        |
|--|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
|  |            |             | Số cuối năm              | Số đầu năm             |
| <b>TÀI SẢN</b>   |            |             |                          |                        |
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                                     | <b>100</b> |             | <b>2.987.819.517.022</b> | <b>84.300.027.008</b>  |
| <b>I. Tài sản tài chính</b>                                    | <b>110</b> |             | <b>2.987.085.484.560</b> | <b>81.972.736.252</b>  |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền                          | 111        | VI.1        | 211.365.018.054          | 70.105.390.540         |
| 1.1. Tiền  | 111.1      |             | 51.365.018.054           | 2.105.390.540          |
| 1.2. Các khoản tương đương tiền                                | 111.2      |             | 160.000.000.000          | 68.000.000.000         |
| 2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)     | 112        | VI.3a, d    | 88.174.450               | 87.793.800             |
| 3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)             | 113        | VI.3b       | 1.075.000.000.000        | 10.000.000.000         |
| 4. Các khoản cho vay   | 114        | VI.3c       | 1.652.708.975.171        | -                      |
| 5. Các khoản phải thu  | 117        |             | 45.471.972.791           | 268.139.727            |
| 5.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | 117.2      | VI.4        | 45.471.972.791           | 268.139.727            |
| 5.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận              | 117.4      |             | 45.471.972.791           | 268.139.727            |
| 6. Trả trước cho người bán                                     | 118        | VI.4        | 2.372.607.407            | 1.511.412.185          |
| 7. Phải thu dịch vụ CTCK cung cấp                              | 119        | VI.4        | 78.736.687               | -                      |
| <b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>                               | <b>130</b> |             | <b>734.032.462</b>       | <b>2.327.290.756</b>   |
| 1. Tạm ứng   | 131        |             | -                        | 308.559.066            |
| 2. Chi phí trả trước ngắn hạn                                  | 133        | VI.5a       | 732.032.462              | 2.018.731.690          |
| 3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn                  | 134        |             | 2.000.000                | -                      |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                                      | <b>200</b> |             | <b>48.199.873.217</b>    | <b>45.883.525.955</b>  |
| <b>I. Tài sản cố định</b>                                      | <b>220</b> |             | <b>29.317.718.931</b>    | <b>3.743.573.332</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                                    | 221        | VI.6        | 25.978.192.062           | 403.573.332            |
| - Nguyên giá   | 222        |             | 32.426.163.000           | 755.550.000            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                       | 223a       |             | (6.447.970.938)          | (351.976.668)          |
| 2. Tài sản cố định vô hình                                     | 227        | VI.7        | 3.339.526.869            | 3.340.000.000          |
| - Nguyên giá   | 228        |             | 6.111.239.400            | 5.311.239.400          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                       | 229a       |             | (2.771.712.531)          | (1.971.239.400)        |
| <b>II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>                     | <b>240</b> | <b>VI.8</b> | <b>9.215.000.000</b>     | <b>32.041.407.000</b>  |
| <b>III. Tài sản dài hạn khác</b>                               | <b>250</b> |             | <b>9.667.154.286</b>     | <b>10.098.545.623</b>  |
| 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn                   | 251        | VI.9        | 1.400.670.200            | 1.635.551.130          |
| 2. Chi phí trả trước dài hạn                                   | 252        | VI.5b       | 6.196.948.729            | 6.464.820.629          |
| 3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán                              | 254        | VI.10       | 2.069.535.357            | 1.998.173.864          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                                       | <b>270</b> |             | <b>3.036.019.390.239</b> | <b>130.183.552.963</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

| <b>CHỈ TIÊU</b>                                 | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>Số cuối năm</b>       | <b>Số đầu năm</b>      |
|---|--------------|--------------------|--------------------------|------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                           | <b>300</b>   |                    | <b>7.492.456.949</b>     | <b>25.325.114.694</b>  |
| <b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>                  | <b>310</b>   |                    | <b>7.492.456.949</b>     | <b>25.325.114.694</b>  |
| 1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán     | 318          |                    | 33.900.000               | -                      |
| 2. Phải trả người bán ngắn hạn                  | 320          | VI.11              | 463.600.747              | 24.499.334.620         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước          | 322          | VI.12              | 4.976.759.775            | 786.283.074            |
| 4. Phải trả người lao động                      | 323          |                    | 1.662.000.000            | -                      |
| 5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên       | 324          |                    | 198.011.000              | 39.497.000             |
| 6. Chi phí phải trả ngắn hạn                    | 325          |                    | 158.185.427              | -                      |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                        | <b>400</b>   |                    | <b>3.028.526.933.290</b> | <b>104.858.438.269</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b>   |                    | <b>3.028.526.933.290</b> | <b>104.858.438.269</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                    | 411          | VI.13              | 3.036.000.000.000        | 138.000.000.000        |
| 1.1 <i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>               | 411.1        |                    | 3.036.000.000.000        | 138.000.000.000        |
| a <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | 411.1.a      |                    | 3.036.000.000.000        | 138.000.000.000        |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối                     | 417          | VI.13              | (7.473.066.710)          | (33.141.561.731)       |
| 2.1. <i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>     | 417.1        |                    | (7.532.568.669)          | (33.200.683.040)       |
| 2.2. <i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>            | 417.2        |                    | 59.501.959               | 59.121.309             |
| <b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>           | <b>440</b>   |                    | <b>3.036.019.390.239</b> | <b>130.183.552.963</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm       | Số đầu năm     |
|---|-------|-------------|-------------------|----------------|
| <b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>  |       |             |                   |                |
| 1. Cổ phiếu đang lưu hành   | 006   |             | 303.600.000       | 13.800.000     |
| 2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK                                   | 008   |             | 48.880.000        | 47.050.000     |
| 3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK                                  | 009   |             | 800.000           | 750.000        |
| 4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK  | 012   |             | 650.000           | -              |
| 5. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK  | 013   |             | -                 | 20.000         |
| <b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>                   |       |             |                   |                |
| 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư                             | 021   | VII.1       | 1.594.278.230.000 | 22.569.560.000 |
| a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng  | 021.1 |             | 1.577.320.230.000 | 20.701.560.000 |
| b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng  | 021.2 |             | -                 | 10.000.000     |
| c. Tài sản tài chính chờ thanh toán   | 021.5 |             | 16.958.000.000    | 1.858.000.000  |
| 2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư                            | 022   |             | 267.490.000       | 264.720.000    |
| a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng                      | 022.1 | VII.2       | 267.490.000       | 264.720.000    |
| 3. Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư  | 023   | VII.3       | 17.239.440.000    | 438.000.000    |
| 4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư  | 024.b | VII.4       | 92.090.000        | -              |
| 5. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư  | 025   | VII.5       | 413.020.000       | 68.300.000     |
| 6. Tiền gửi của khách hàng  | 026   |             | 30.616.154.941    | 5.081.037.343  |
| 6.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý                 | 027   | VII.6       | 30.616.154.941    | 5.081.037.343  |
| 7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý              | 031   | VII.7       | 30.616.154.941    | 5.081.037.343  |
| 7.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 031.1 |             | 30.289.987.145    | 4.755.118.004  |
| 7.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 031.2 |             | 326.167.796       | 325.919.339    |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

  
Dương Thị Cẩm Vân  
Người lập

  
Hồ Thị Kiều  
Kế toán trưởng

  
Thái Hoàng Long  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước            |
|---|-----------|-------------|-----------------------|----------------------|
| <b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>                                       |           |             |                       |                      |
| 1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 01        |             | 43.357.160            | 441.756.607          |
| a. <i>Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>            | 01.2      | VIII.1      | 41.412.030            | 439.373.100          |
| b. <i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>     | 01.3      | VIII.2      | 1.945.130             | 2.383.507            |
| 1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)         | 02        | VIII.2      | 37.245.138.819        | 983.661.960          |
| 1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu                           | 03        | VIII.2      | 34.175.839.372        | -                    |
| 1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán                       | 06        | VIII.3      | 5.932.306.125         | 1.328.650.428        |
| 1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán                         | 09        | VIII.3      | 126.764.595           | 24.263.602           |
| 1.6. Thu nhập hoạt động khác  | 11        | VIII.3      | 460.000               | -                    |
| <b>Cộng doanh thu hoạt động</b>                                     | <b>20</b> |             | <b>77.523.866.071</b> | <b>2.778.332.597</b> |
| <b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>  |           |             |                       |                      |
| 2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)     | 21        |             | 41.031.380            | 416.081.110          |
| a. <i>Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>                        | 21.1      |             | -                     | 411.502.000          |
| b. <i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>               | 21.2      | VIII.1      | 41.031.380            | 4.579.110            |
| 2.2. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán                         | 27        | VIII.4      | 8.350.676.578         | 4.352.606.598        |
| 2.3. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán                           | 30        |             | 120.954.830           | 23.301.158           |
| <b>Cộng chi phí hoạt động</b>                                       | <b>40</b> |             | <b>8.512.662.788</b>  | <b>4.791.988.866</b> |
| <b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                           |           |             |                       |                      |
| 3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định | 42        |             | 1.515.117.695         | 350.563.234          |
| <b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>                           | <b>50</b> |             | <b>1.515.117.695</b>  | <b>350.563.234</b>   |



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh   | Năm nay               | Năm trước               |
|---|------------|---------------|-----------------------|-------------------------|
| <b>IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>  | <b>62</b>  | <b>VIII.5</b> | <b>41.479.581.063</b> | <b>(15.763.215.388)</b> |
| <b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>                     | <b>70</b>  |               | <b>29.046.739.915</b> | <b>14.100.122.353</b>   |
| <b>VI. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>        |            |               |                       |                         |
| 6.1 Thu nhập khác                               | 71         |               | 1.030.765             | -                       |
| 6.2 Chi phí khác                                | 72         |               | 34.286.014            | 479.599.767             |
| <b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>              | <b>80</b>  |               | <b>(33.255.249)</b>   | <b>(479.599.767)</b>    |
| <b>VII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>   | <b>90</b>  |               | <b>29.013.484.666</b> | <b>13.620.522.586</b>   |
| 7.1 Lợi nhuận đã thực hiện                      | 91         |               | 29.013.104.016        | 13.185.728.596          |
| 7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện                    | 92         |               | 380.650               | 434.793.990             |
| <b>VIII. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>                  | <b>100</b> |               | <b>3.344.989.645</b>  |                         |
| 8.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành                 | 100.1      | VI.12         | 3.344.989.645         | -                       |
| 8.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại                  | 100.2      |               | -                     | -                       |
| <b>IX. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>      | <b>200</b> |               | <b>25.668.495.021</b> | <b>13.620.522.586</b>   |
| <b>X THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b> | <b>500</b> |               | <b>174</b>            | <b>987</b>              |
| 10.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)  | 501        | VIII.6        | 174                   | 987                     |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Dương Thị Cẩm Vân  
Người lập

Hồ Thị Kiều  
Kế toán trưởng



Thái Hoàng Long  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh       | Đơn vị tính: VND           |                         |
|--|-----------|-------------------|----------------------------|-------------------------|
|  |           |                   | Năm nay                    | Năm trước               |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                  |           |                   |                            |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp                                      | 01        |                   | 29.013.484.666             | 13.620.522.586          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   | 02        |                   | (30.348.671.418)           | (26.280.880.820)        |
| - Khấu hao TSCĐ  | 03        | VI.6, 7           | 6.896.467.401              | 28.826.668              |
| - Các khoản dự phòng   | 04        | VIII.5            | -                          | (25.959.144.254)        |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 07        | VIII.2            | (11.353.708.686)           | (350.563.234)           |
| - Dự thu tiền lãi  | 08        | VIII.2            | (25.891.430.133)           | -                       |
| 3. Tăng các chi phí tiền tệ  | 10        |                   | 41.031.380                 | 4.579.110               |
| - Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL    | 11        | VIII.1            | 41.031.380                 | 4.579.110               |
| 4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ  | 18        |                   | (41.412.030)               | (439.373.100)           |
| - Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL   | 19        | VIII.1            | (41.412.030)               | (439.373.100)           |
| 5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                   | 30        |                   | (2.733.391.355.297)        | 46.675.003.996          |
| - Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL                    | 31        |                   | -                          | 416.500.000             |
| - Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)                      | 32        | VI.3b             | (1.065.000.000.000)        | (10.000.000.000)        |
| - Tăng (giảm) các khoản cho vay  | 33        | VI.3c             | (1.652.708.975.171)        | -                       |
| - (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính     | 36        | VI.4; VIII.2      | (19.580.542.658)           | (203.783.563)           |
| - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp                  | 37        | VI.4              | (78.736.687)               | (5.618.753)             |
| - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác                                       | 39        |                   | (1.221.195.222)            | 3.320.759.080           |
| - Tăng (giảm) các tài sản khác   | 40        |                   | 237.197.573                | 5.410.251.483           |
| - Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)                     | 41        |                   | 158.185.427                | -                       |
| - Tăng (giảm) chi phí trả trước  | 42        | VI.5a, b          | 1.554.571.128              | 19.919.027.681          |
| - Tăng (giảm) phải trả người bán   | 45        |                   | 349.258.327                | 28.670.228.408          |
| - Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên                               | 46        |                   | 158.514.000                | 39.497.000              |
| - Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp) | 47        | VI.12             | 845.487.056                | 741.693.790             |
| - Tăng (giảm) phải trả người lao động  | 48        |                   | 1.662.000.000              | -                       |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 51        |                   | 283.380.930                | 2.000.000               |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 52        |                   | (50.500.000)               | (1.635.551.130)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                               | <b>60</b> |                   | <b>(2.734.726.922.699)</b> | <b>33.579.851.772</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                     |           |                   |                            |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác                   | 61        | VI.4, 6, 7, 8, 11 | (33.635.298.200)           | (18.966.042.800)        |
| 2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 65        | V.4; VIII.2       | 11.621.848.413             | 350.563.234             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                   | <b>70</b> |                   | <b>(22.013.449.787)</b>    | <b>(18.615.479.566)</b> |

Bảo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước             |
|--|------------|-------------|--------------------------|-----------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>             |            |             |                          |                       |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 71         | VI.13       | 2.898.000.000.000        | -                     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>            | <b>80</b>  |             | <b>2.898.000.000.000</b> | <b>-</b>              |
| <b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>                      | <b>90</b>  |             | <b>141.259.627.514</b>   | <b>14.964.372.206</b> |
| <b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>           | <b>101</b> | <b>VI.1</b> | <b>70.105.390.540</b>    | <b>55.141.018.334</b> |
| - Tiền   | 101.1      |             | 2.105.390.540            | 10.141.018.334        |
| - Các khoản tương đương tiền                                   | 101.2      |             | 68.000.000.000           | 45.000.000.000        |
| <b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>         | <b>103</b> | <b>VI.1</b> | <b>211.365.018.054</b>   | <b>70.105.390.540</b> |
| - Tiền   | 103.1      |             | 51.365.018.054           | 2.105.390.540         |
| - Các khoản tương đương tiền                                   | 103.2      |             | 160.000.000.000          | 68.000.000.000        |

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh  | Năm nay               | Năm trước            |
|--|-----------|--------------|-----------------------|----------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>             |           |              |                       |                      |
| 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng                              | 01        |              | 1.544.801.512.030     | 498.959.464.300      |
| 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng                              | 02        |              | (3.282.915.843.020)   | (489.893.738.225)    |
| 3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng              | 07        |              | 4.502.820.145.210     | 10.397.271.414       |
| 4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng                       | 08        |              | (2.739.125.305.451)   | (15.048.245.006)     |
| 5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng                                 | 11        |              | (45.391.171)          | -                    |
| 6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán                                    | 14        |              | 1.159.414.088         | 9.918.856.691        |
| 7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán                                    | 15        |              | (1.159.414.088)       | (10.066.736.514)     |
| <b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>  | <b>20</b> |              | <b>25.535.117.598</b> | <b>4.266.872.660</b> |
| <b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>             | <b>30</b> | <b>VII.6</b> | <b>5.081.037.343</b>  | <b>814.164.683</b>   |
| Tiền gửi ngân hàng đầu năm:  | 31        |              | 5.081.037.343         | 814.164.683          |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 32        |              | 5.081.037.343         | 814.164.683          |



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh  | Năm nay               | Năm trước            |
|--|-----------|--------------|-----------------------|----------------------|
| <b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>           | <b>40</b> | <b>VII.6</b> | <b>30.616.154.941</b> | <b>5.081.037.343</b> |
| Tiền gửi ngân hàng cuối năm:   | 41        |              | 30.616.154.941        | 5.081.037.343        |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 42        |              | 30.616.154.941        | 5.081.037.343        |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Dương Thị Cẩm Vân  
Người lập

Hồ Thị Kiều  
Kế toán trưởng



Thái Hoàng Long  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                   | Thuyết minh | Số dư đầu năm         |                        | Số tăng/giảm          |          |                          |                       | Số dư cuối năm         |                          |
|--|-------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|----------|--------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|
|  |             | 2024                  | 2025                   | 2024                  |          | 2025                     |                       | 2024                   | 2025                     |
|  |             |                       |                        | Tăng                  | Giảm     | Tăng                     | Giảm                  |                        |                          |
| <b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>         |             |                       |                        |                       |          |                          |                       |                        |                          |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu               | VI.12       | 138.000.000.000       | 138.000.000.000        | -                     | -        | 2.898.000.000.000        | -                     | 138.000.000.000        | 3.036.000.000.000        |
| 1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết |             | 138.000.000.000       | 138.000.000.000        | -                     | -        | 2.898.000.000.000        | -                     | 138.000.000.000        | 3.036.000.000.000        |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối                |             | (46.762.084.317)      | (33.141.561.731)       | 13.620.522.586        | -        | 48.588.045.067           | 22.919.550.046        | (33.141.561.731)       | (7.473.066.710)          |
| 2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện        |             | (46.386.411.636)      | (33.200.683.040)       | 13.185.728.596        | -        | 48.573.245.887           | 22.905.131.516        | (33.200.683.040)       | (7.532.568.669)          |
| 2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện               |             | (375.672.681)         | 59.121.309             | 434.793.990           | -        | 14.799.180               | 14.418.530            | 59.121.309             | 59.501.959               |
| <b>Cộng</b>                                |             | <b>91.237.915.683</b> | <b>104.858.438.269</b> | <b>13.620.522.586</b> | <b>-</b> | <b>2.946.588.045.067</b> | <b>22.919.550.046</b> | <b>104.858.438.269</b> | <b>3.028.526.933.290</b> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

  
 Dương Thị Cẩm Vân  
 Người lập

  
 Hồ Thị Kiều  
 Kế toán trưởng

  
 Thái Hoàng Long  
 Tổng Giám đốc


# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán VTG (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín) thành lập và hoạt động theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 01 năm 2026 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội (nay là Sở Tài chính TP. Hà Nội) và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102114655 thay đổi lần thứ 06 ngày 26 tháng 9 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP. Hà Nội và Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp các giấy phép điều chỉnh liên quan đến tăng vốn điều lệ, bổ sung và loại bỏ một số ngành nghề kinh doanh, thay đổi địa chỉ trụ sở,.....

#### 2. Địa chỉ liên hệ

Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh.

#### 3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động sửa đổi gần nhất của Công ty ban hành ngày 29 tháng 01 năm 2026.

#### 4. Những đặc điểm chính về hoạt động

- Quy mô vốn:  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.036.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 3.028.526.933.290 VND, tổng tài sản là 3.036.019.390.239 VND.
- Mục tiêu hoạt động:  
Hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán (theo Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 01 năm 2026 và xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 05 tháng 3 năm 2026 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp).
- Hạn chế đầu tư:  
Công ty tuân thủ quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 (sau đây gọi tắt là “Thông tư số 121”) của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 3, Điều 3, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 (sau đây gọi tắt là “Thông tư số 68”), cụ thể như sau:
  - Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty mua, đầu tư bất động sản để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản đầu tư không được vượt quá 50% tổng tài sản của Công ty.
  - Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Trường hợp Công ty được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
  - Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
    - ✓ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
    - ✓ Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
    - ✓ Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
    - ✓ Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết; quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
    - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
    - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
    - ✓ Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
  - Công ty được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này Công ty không phải tuân thủ các quy định sau:
    - ✓ Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
    - ✓ Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết; quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
    - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.
- Bên cạnh đó, Công ty dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
- ✓ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh mà Công ty đang thực hiện;
  - ✓ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%;
  - ✓ Công ty sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26, Thông tư số 121 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3, Điều 28 và Điểm e, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121, cụ thể như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Hạn chế vay nợ:

- + Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 5 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm: tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng; quỹ khen thưởng, phúc lợi; dự phòng trợ cấp mất việc làm; dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư;
- + Nợ ngắn hạn của Công ty tối đa bằng tài sản ngắn hạn;
- + Công ty chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định nêu trên.

#### Hạn chế đầu tư:

- + Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Trường hợp Công ty được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu;
- + Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.
- Trường hợp Công ty đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty hoặc tổ chức góp vốn, Công ty phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4; Điều 28; Thông tư số 121 tối đa trong thời hạn 1 năm.
- Trường hợp Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 9a, Thông tư số 120/2020/TT-BTC về thực hiện giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức dẫn đến vượt quá hạn mức đầu tư quy định tại Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121 thì Công ty không được tiếp tục nhận lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức cho đến khi đáp ứng hạn mức đầu tư và phải áp dụng các biện pháp cần thiết trong thời hạn tối đa 1 năm để tuân thủ hạn mức đầu tư.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 08/2026/TT-BTC ("Thông tư số 08") sửa đổi, bổ sung nhiều thông tư có liên quan về quản lý hoạt động của các công ty chứng khoán, trong đó Điều 14 của Thông tư số 08 bổ sung thêm Khoản 8 và Khoản 9 vào sau Khoản 7, Điều 28, Thông tư số 121 đã được bổ sung bởi Khoản 3, Điều 3, Thông tư số 68 về các nội dung sau:

- Trường hợp Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 16, Thông tư số 121 về thực hiện giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức dẫn đến vượt quá hạn mức đầu tư tại các Điểm a, c, d, đ, e và g, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121 thì Công ty không được nhận lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, không được ký kết, thực hiện hợp đồng thỏa thuận nhận chuyển quyền sở hữu số cổ phiếu không được thực hiện thanh toán cho đến khi đáp ứng hạn mức đầu tư và phải áp dụng các biện pháp cần thiết trong thời hạn tối đa 1 năm để tuân thủ hạn mức đầu tư.
- Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 16, Thông tư số 121 phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121.

Công ty tuân thủ các quy định về hạn chế đầu tư bổ sung của Thông tư số 08 từ ngày 03 tháng 02 năm 2026.

- Ngoài chi nhánh tại Hà Nội là đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc, Công ty không có công ty con, công ty liên kết và không có đơn vị trực thuộc nào khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 53 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 43 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán: Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng của Công ty kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

#### 3. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### **Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
    - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
    - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau khi ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

#### **4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

Tài sản tài chính AFS là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là: các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty; trừ trường hợp các tài sản tài chính AFS là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục “Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán” thuộc phần “Thu nhập toàn diện khác” trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính, Công ty đánh giá liệu có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị hay không. Đối với công cụ vốn, bằng chứng suy giảm bao gồm việc giá trị hợp lý giảm đáng kể hoặc kéo dài xuống thấp hơn giá gốc; trong đó “đáng kể” được xem xét trên mức độ chênh lệch so với giá gốc và “kéo dài” được đánh giá theo thời gian giá trị hợp lý duy trì dưới giá gốc. Khi xác định có suy giảm giá trị, toàn bộ khoản lỗ lũy kế liên quan đến tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị đã ghi nhận trong khoản mục “Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc vốn chủ sở hữu được tái phân loại và ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động tại chỉ tiêu “Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán”. Khoản lỗ suy giảm được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

##### 5. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như: phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ phải trả tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các tài sản tài chính HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của sự suy giảm giá trị có thể bao gồm giá thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi và gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

##### 6. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị hoặc nợ phải thu khó đòi (nếu có).

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay và số dư của khoản vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

#### 7. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

#### 8. Phân loại lại tài sản tài chính

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc vốn chủ sở hữu.

#### 9. Giá thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

Đối với các tài sản tài chính có giá niêm yết hoặc có thể xác định được giá thị trường, giá trị được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý được ghi nhận theo quy định áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính.

Giá thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách và tình hình tài chính của tổ chức phát hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

#### 10. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận, phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận, phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập căn cứ vào Điều 6, Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí quản lý công ty chứng khoán”.

#### 11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là: chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí thuê văn phòng; chi phí thi công sửa chữa văn phòng,.... Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Chi phí công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **Chi phí thuê văn phòng**

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

### **Chi phí cải tạo văn phòng**

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

## **12. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## **13. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc, thiết bị               | 4 - 6         |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 10        |

## **14. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chủ yếu là phần mềm. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian 5 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 16. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và phải trả đại lý phát hành của Công ty chứng khoán
- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 17. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận vào vốn điều lệ theo giá gốc.

##### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận sau thuế đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài khoản lãi/lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

#### 18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu cung cấp dịch vụ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### ***Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán***

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ có thể được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

### ***Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán***

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của các loại chứng khoán.

### ***Thu nhập lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ khác***

Khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

### ***Thu nhập khác***

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được từ các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

## **19. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **22. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 23. Các khoản mục không có số liệu

Các khoản mục không được trình bày trên Báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số liệu.

## V. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

### 1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và các tài sản khác.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Tổng Giám đốc đánh giá tiền gửi ngân hàng là không có rủi ro.

#### *Các tài sản tài chính*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản đầu tư vào các tài sản tài chính thông qua chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với các tài sản tài chính là thấp do đã thực hiện trích lập dự phòng tối đa cho nhiều khoản đầu tư.

#### *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu của Công ty gồm: phải thu bán các tài sản tài chính; phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính; các khoản cho vay và các khoản phải thu khác.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu về cho vay thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu còn lại thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát có liên quan. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Tổng Giám đốc.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu hồi được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét suy giảm chất lượng tín dụng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu có liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung vào một đối tượng đáng kể nào.

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

### 2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 1 năm trở xuống.

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

#### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Anh hưởng về giá chứng khoán được ghi nhận kịp thời hàng kỳ vào Báo cáo tài chính hàng kỳ của Công ty. Do đó, Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng nếu có là không đáng kể.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|  | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt   | -                             | 24.295                       |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty                 | 51.365.018.054                | 2.105.366.245                |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng) | <u>160.000.000.000</u>        | <u>68.000.000.000</u>        |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>211.365.018.054</u></b> | <b><u>70.105.390.540</u></b> |

**2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm**

|                       | <u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u> | <u>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u> |
|-----------------------|---|---|
| <i>Của nhà đầu tư</i> |   |   |
| Cổ phiếu              | 193.106.380                                     | 4.876.622.969.700                                       |
| Trái phiếu            | 1   | 101.500   |
| Chứng khoán khác      | <u>124.700</u>                                  | <u>98.557.000</u>                                       |
| <b>Cộng</b>           | <b><u>193.231.081</u></b>                       | <b><u>4.876.721.628.200</u></b>                         |

**3. Các loại tài sản tài chính****3a. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

|                   | <u>Số cuối năm</u>       |                          | <u>Số đầu năm</u>        |                          |
|-------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                   | <u>Giá gốc</u>           | <u>Giá trị hợp lý</u>    | <u>Giá gốc</u>           | <u>Giá trị hợp lý</u>    |
| Cổ phiếu niêm yết | <u>28.672.491</u>        | <u>88.174.450</u>        | <u>28.672.491</u>        | <u>87.793.800</u>        |
| <b>Cộng</b>       | <b><u>28.672.491</u></b> | <b><u>88.174.450</u></b> | <b><u>28.672.491</u></b> | <b><u>87.793.800</u></b> |

**3b. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

|  | <u>Số cuối năm</u>              | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|---------------------------------|------------------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Nhà Bè  | -                               | 10.000.000.000               |
| Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Nhà Bè | 577.000.000.000                 | -                            |
| Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Hội sở         | <u>498.000.000.000</u>          | -                            |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>1.075.000.000.000</u></b> | <b><u>10.000.000.000</u></b> |

**3c. Các khoản cho vay**

|                                    | <u>Số cuối năm</u>              |                                 | <u>Số đầu năm</u> |                       |
|------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------|-----------------------|
|                                    | <u>Giá gốc</u>                  | <u>Giá trị hợp lý</u>           | <u>Giá gốc</u>    | <u>Giá trị hợp lý</u> |
| Gốc cho vay giao dịch ký quỹ       | 1.627.182.706.091               | 1.627.182.706.091               | -                 | -                     |
| Gốc ứng trước tiền bán chứng khoán | <u>25.526.269.080</u>           | <u>25.526.269.080</u>           | -                 | -                     |
| <b>Cộng</b>                        | <b><u>1.652.708.975.171</u></b> | <b><u>1.652.708.975.171</u></b> | -                 | -                     |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3d. Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị thị trường cuối năm

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

| STT  | Tài sản tài chính | Giá mua           | Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm | Chênh lệch đánh giá lại |                     | Giá trị đánh giá lại |
|--|-------------------|-------------------|--|-------------------------|---------------------|----------------------|
|  |                   |                   |  | Tăng                    | Giảm                |                      |
| I. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) |                   |                   |  |                         |                     |                      |
| 1.   | Cổ phiếu niêm yết | 28.672.491        | 88.174.450                               | 100.533.339             | (41.031.380)        | 88.174.450           |
|  | <b>Cộng</b>       | <b>28.672.491</b> | <b>88.174.450</b>                        | <b>100.533.339</b>      | <b>(41.031.380)</b> | <b>88.174.450</b>    |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

| STT  | Tài sản tài chính | Giá mua           | Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm | Chênh lệch đánh giá lại |                    | Giá trị đánh giá lại |
|--|-------------------|-------------------|--|-------------------------|--------------------|----------------------|
|  |                   |                   |  | Tăng                    | Giảm               |                      |
| I. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) |                   |                   |  |                         |                    |                      |
| 1.   | Cổ phiếu niêm yết | 28.672.491        | 87.793.800                               | 63.700.419              | (4.579.110)        | 87.793.800           |
|  | <b>Cộng</b>       | <b>28.672.491</b> | <b>87.793.800</b>                        | <b>63.700.419</b>       | <b>(4.579.110)</b> | <b>87.793.800</b>    |

### 4. Các khoản phải thu

|  | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
|--|-----------------------|----------------------|
| <b>Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</b>  | <b>45.471.972.791</b> | <b>268.139.727</b>   |
| Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn  | 25.891.430.133        | 268.139.727          |
| Phải thu lãi giao dịch ký quỹ  | 19.580.542.658        | -                    |
| <b>Trả trước cho người bán (*)</b>   | <b>2.372.607.407</b>  | <b>1.511.412.185</b> |
| Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  | -                     | 19.234.592           |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Giải pháp phần mềm RPS   | -                     | 370.000.000          |
| Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo   | -                     | 360.000.000          |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công nghệ Chân Trời   | 457.200.000           | -                    |
| Công ty TNHH Đầu tư Dịch vụ Xây dựng và Thương mại 88  | -                     | 578.277.593          |
| Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT Viễn thông Hà Nội - Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | 1.133.600.000         | -                    |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Capella   | 469.234.040           | -                    |
| Trả trước cho người bán khác   | 271.227.000           | -                    |
|  | 41.346.367            | 183.900.000          |
| <b>Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán</b>   | <b>78.736.687</b>     | <b>-</b>             |
| <b>Cộng</b>  | <b>47.923.316.885</b> | <b>1.779.551.912</b> |

(\*) Trong đó, khoản trả trước cho người bán liên quan đến mua sắm tài sản cố định tại ngày kết thúc năm tài chính là 0 VND (số đầu năm là 360.000.000 VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 5. Chi phí trả trước

##### 5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                                 | <u>Số cuối năm</u>        | <u>Số đầu năm</u>           |
|---------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Công cụ dụng cụ                 | 2.058.712                 | 50.584.181                  |
| Chi phí thuê văn phòng          | 556.782.000               | 803.352.000                 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 173.191.750               | 1.164.795.509               |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>732.032.462</u></b> | <b><u>2.018.731.690</u></b> |

##### 5b. Chi phí trả trước dài hạn

|                           | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Công cụ dụng cụ           | 1.429.937.247               | 1.160.696.849               |
| Chi phí cải tạo văn phòng | 2.118.275.485               | 1.943.968.723               |
| Chi phí trả trước khác    | 2.648.735.997               | 3.360.155.057               |
| <b>Cộng</b>               | <b><u>6.196.948.729</u></b> | <b><u>6.464.820.629</u></b> |

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

|                                       | <u>Máy móc, thiết bị</u>     | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Cộng</u>                  |
|---------------------------------------|------------------------------|--|------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                              |  |                              |
| Số đầu năm                            | 755.550.000                  | -                                      | 755.550.000                  |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành     | 28.821.793.000               | -                                      | 28.821.793.000               |
| Mua trong năm                         | -                            | 2.848.820.000                          | 2.848.820.000                |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b><u>29.577.343.000</u></b> | <b><u>2.848.820.000</u></b>            | <b><u>32.426.163.000</u></b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                              |  |                              |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 323.150.000                  | -                                      | 323.150.000                  |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                              |  |                              |
| Số đầu năm                            | 351.976.668                  | -                                      | 351.976.668                  |
| Khấu hao trong năm                    | 5.850.838.604                | 245.155.666                            | 6.095.994.270                |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b><u>6.202.815.272</u></b>  | <b><u>245.155.666</u></b>              | <b><u>6.447.970.938</u></b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                              |  |                              |
| Số đầu năm                            | 403.573.332                  | -                                      | 403.573.332                  |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b><u>23.374.527.728</u></b> | <b><u>2.603.664.334</u></b>            | <b><u>25.978.192.062</u></b> |

#### 7. Tài sản cố định vô hình

|                                       | <u>Chương trình phần mềm máy tính</u> |
|---------------------------------------|---------------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                                       |
| Số đầu năm                            | 5.311.239.400                         |
| Mua trong năm                         | 800.000.000                           |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b><u>6.111.239.400</u></b>           |
| <i>Trong đó:</i>                      |                                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.971.239.400                         |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                        | Chương trình phần<br>mềm máy tính |
|------------------------|-----------------------------------|
| <b>Giá trị hao mòn</b> |                                   |
| Số đầu năm             | 1.971.239.400                     |
| Khấu hao trong năm     | 800.473.131                       |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>2.771.712.531</b>              |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                                   |
| Số đầu năm             | 3.340.000.000                     |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>3.339.526.869</b>              |

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                                   | Số đầu năm            | Chi phí<br>phát sinh<br>trong năm | Kết chuyển<br>vào TSCĐ<br>trong năm | Kết chuyển<br>giảm khác | Số cuối năm          |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|----------------------|
| <i>Mua sắm tài sản cố định</i>    |                       |                                   |                                     |                         |                      |
| Hệ thống máy chủ                  | 28.831.407.000        |                                   | - (28.821.793.000)                  | (9.614.000)             | -                    |
| Phần mềm giao dịch<br>chứng khoán | 3.210.000.000         | 6.005.000.000                     | -                                   | -                       | 9.215.000.000        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>32.041.407.000</b> | <b>6.005.000.000</b>              | <b>(28.821.793.000)</b>             | <b>(9.614.000)</b>      | <b>9.215.000.000</b> |

**9. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn**

|                        | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| Đặt cọc thuê văn phòng | 1.352.170.200        | 1.635.551.130        |
| Ký quỹ khác            | 48.500.000           | -                    |
| <b>Cộng</b>            | <b>1.400.670.200</b> | <b>1.635.551.130</b> |

**10. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán**

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh khoản tiền ký quỹ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

Theo Quyết định hiện hành số 40/QĐ-HĐTV ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) về Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120.000.000 VND tại VSDC và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền, trái phiếu doanh nghiệp (ngoại trừ trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ) giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán được thanh toán của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động khoản tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

|                  | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền nộp ban đầu | 120.000.000          | 120.000.000          |
| Tiền nộp bổ sung | 1.080.277.398        | 981.392.088          |
| Tiền lãi phân bổ | 869.257.959          | 896.781.776          |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>2.069.535.357</b> | <b>1.998.173.864</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

|  | <u>Số cuối năm</u>        | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|---------------------------|------------------------------|
| Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT                | -                         | 17.207.764.200               |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công nghệ Chân trời | -                         | 7.183.328.000                |
| Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo                         | 40.000.000                | -                            |
| Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh               | 329.852.618               | -                            |
| Công ty TNHH Đầu tư Dịch vụ Xây dựng và Thương mại 88  | 72.400.042                | -                            |
| Công ty TNHH Nội thất và Xây dựng Đức Linh             | -                         | 91.056.936                   |
| Các nhà cung cấp khác                                  | 21.348.087                | 17.185.484                   |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>463.600.747</u></b> | <b><u>24.499.334.620</u></b> |

Trong đó, khoản phải trả liên quan đến mua sắm tài sản cố định tại ngày kết thúc năm tài chính là 40.000.000 VND (số đầu năm là 24.391.092.200 VND).

#### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>         |
|----------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Thuế thu nhập cá nhân      | 1.631.770.130               | 786.283.074               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.344.989.645               | -                         |
| <b>Cộng</b>                | <b><u>4.976.759.775</u></b> | <b><u>786.283.074</u></b> |

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 29.013.484.666              | 13.620.522.586   |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                             |                  |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 133.515.160                 | 484.178.877      |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | (41.412.030)                | (26.398.517.354) |
| Thu nhập chịu thuế   | 29.105.587.796              | (12.293.815.891) |
| Cổ tức được chia   | (1.945.130)                 | (2.383.507)      |
| Lỗi các năm trước được chuyển  | (12.378.694.443)            | -                |
| Thu nhập tính thuế   | 16.724.948.223              | (12.296.199.398) |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                         | 20%              |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b><u>3.344.989.645</u></b> | <b><u>-</u></b>  |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

|                                      | <u>Số cuối năm</u>              | <u>Số đầu năm</u>             |
|--------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)        | 3.036.000.000.000               | 138.000.000.000               |
| Lỗ lũy kế                            | (7.473.066.710)                 | (33.141.561.731)              |
| Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế đã thực hiện | (7.532.568.669)                 | (33.200.683.040)              |
| Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện        | 59.501.959                      | 59.121.309                    |
| <b>Cộng</b>                          | <b><u>3.028.526.933.290</u></b> | <b><u>104.858.438.269</u></b> |

(\*) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.

|                                    | <u>Số cuối năm</u>              | <u>Số đầu năm</u>             |
|------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Du lịch Minh Thành | 626.108.070.000                 | 67.620.000.000                |
| Tin Global Pte. Ltd.               | 1.487.640.000.000               | 67.620.000.000                |
| Công ty Cổ phần TNP Capital        | 450.450.000.000                 | -                             |
| Các cổ đông khác                   | 471.801.930.000                 | 2.760.000.000                 |
| <b>Cộng</b>                        | <b><u>3.036.000.000.000</u></b> | <b><u>138.000.000.000</u></b> |

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/VTGS-NQHDHCD ngày 24 tháng 3 năm 2025, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2025/VTGS-NQHDQT ngày 24 tháng 3 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2025/VTGS-NQHDQT ngày 25 tháng 4 năm 2025 đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2025 lên 3.036.000.000.000 VND.

Theo Nghị quyết số 16/2025/VTGS-NQHDQT ngày 21 tháng 7 năm 2025 Công ty đã chào bán thành công cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu và cũng tại ngày này, Công ty đã gửi tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Báo cáo số 121/2025/VTGS-BC. Đến ngày 25 tháng 7 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 3822/UBCK-QLKD xác nhận đã nhận được hồ sơ báo cáo về đợt tăng vốn của Công ty.

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

|   |                                 |                              |
|---|---------------------------------|------------------------------|
| 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư     | <u>Số cuối năm</u>              | <u>Số đầu năm</u>            |
| Tài sản tài chính giao dịch được tự do chuyển nhượng                        | 1.577.320.230.000               | 20.701.560.000               |
| Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng                                     | -                               | 10.000.000                   |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán  | 16.958.000.000                  | 1.858.000.000                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>1.594.278.230.000</u></b> | <b><u>22.569.560.000</u></b> |
| 2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư    | <u>Số cuối năm</u>              | <u>Số đầu năm</u>            |
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | 267.490.000                     | 264.720.000                  |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>267.490.000</u></b>       | <b><u>264.720.000</u></b>    |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm         |
|---|-----------------------|--------------------|
| Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư | 17.239.440.000        | 438.000.000        |
| <b>Cộng</b>                             | <b>17.239.440.000</b> | <b>438.000.000</b> |

### 4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư

|   | Số cuối năm       | Số đầu năm |
|---|-------------------|------------|
| Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư | 92.090.000        | -          |
| <b>Cộng</b>   | <b>92.090.000</b> | <b>-</b>   |

### 5. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

|   | Số cuối năm        | Số đầu năm        |
|---|--------------------|-------------------|
| Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư | 413.020.000        | 68.300.000        |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>413.020.000</b> | <b>68.300.000</b> |

### 6. Tiền gửi của khách hàng

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
|---|-----------------------|----------------------|
| <i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i> | <i>30.616.154.941</i> | <i>5.081.037.343</i> |
| Của Nhà đầu tư trong nước   | 30.289.987.145        | 4.755.118.004        |
| Của Nhà đầu tư nước ngoài   | 326.167.796           | 325.919.339          |
| <b>Cộng</b>   | <b>30.616.154.941</b> | <b>5.081.037.343</b> |

### 7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

|                           | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
|---------------------------|-----------------------|----------------------|
| Của Nhà đầu tư trong nước | 30.289.987.145        | 4.755.118.004        |
| Của Nhà đầu tư nước ngoài | 326.167.796           | 325.919.339          |
| <b>Cộng</b>               | <b>30.616.154.941</b> | <b>5.081.037.343</b> |

## VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

### 1. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

| Danh mục các tài sản tài chính | Giá trị mua theo sổ sách | Giá trị hợp lý    | Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm | Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm | Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm | Chênh lệch tăng   | Chênh lệch giảm     |
|--------------------------------|--------------------------|-------------------|--|---------------------------------------|--|-------------------|---------------------|
| Cổ phiếu niêm yết              | 28.672.491               | 88.174.450        | 59.501.959                             | 59.121.309                            | 380.650  | 41.412.030        | (41.031.380)        |
| <b>Cộng</b>                    | <b>28.672.491</b>        | <b>88.174.450</b> | <b>59.501.959</b>                      | <b>59.121.309</b>                     | <b>380.650</b>                                   | <b>41.412.030</b> | <b>(41.031.380)</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 2. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ bán các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

|  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>          |
|--|------------------------------|---------------------------|
| Từ tài sản tài chính FVTPL                           | 1.945.130                    | 2.383.507                 |
| <i>Cổ tức</i>  | <i>1.945.130</i>             | <i>2.383.507</i>          |
| Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)   | 37.245.138.819               | 983.661.960               |
| <i>Lãi thực thu</i>                                  | <i>11.353.708.686</i>        | <i>715.522.233</i>        |
| <i>Lãi trích trước</i>                               | <i>25.891.430.133</i>        | <i>268.139.727</i>        |
| Từ các khoản cho vay và phải thu                     | 34.175.839.372               | -                         |
| <i>Tiền lãi từ cho vay ký quỹ</i>                    | <i>32.828.534.619</i>        | <i>-</i>                  |
| <i>Tiền lãi từ ứng trước tiền bán cho khách hàng</i> | <i>503.764.660</i>           | <i>-</i>                  |
| <i>Phí gia hạn nợ cho vay ký quỹ</i>                 | <i>843.540.093</i>           | <i>-</i>                  |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>71.422.923.321</u></b> | <b><u>986.045.467</u></b> |

### 3. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Doanh thu môi giới chứng khoán         | 5.932.306.125               | 1.328.650.428               |
| Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 126.764.595                 | 24.263.602                  |
| Thu nhập hoạt động khác                | 460.000                     | -                           |
| <b>Cộng</b>                            | <b><u>6.059.530.720</u></b> | <b><u>1.352.914.030</u></b> |

### 4. Chi phí môi giới chứng khoán

|                               | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên         | 1.853.395.701               | 1.600.651.268               |
| Chi phí đường truyền và phí   | 2.336.551.737               | 1.630.259.825               |
| Chi phí giao dịch chứng khoán | 1.316.366.258               | 413.660.864                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài     | 2.844.362.882               | 708.034.641                 |
| <b>Cộng</b>                   | <b><u>8.350.676.578</u></b> | <b><u>4.352.606.598</u></b> |

### 5. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>               |
|----------------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 20.021.152.626               | 6.686.983.868                  |
| Chi phí vật tư văn phòng         | 155.522.009                  | 171.914.159                    |
| Chi phí công cụ, dụng cụ         | 978.407.020                  | 31.526.883                     |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 6.896.467.401                | 28.826.668                     |
| Thuế, phí và lệ phí              | 1.288.305.205                | 765.151.740                    |
| Hoàn nhập dự phòng               | -                            | (25.959.144.254)               |
| Chi phí thuê văn phòng           | 6.098.545.618                | 1.420.024.555                  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 4.972.798.317                | 702.596.714                    |
| Các chi phí khác                 | 1.068.382.867                | 388.904.279                    |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>41.479.581.063</u></b> | <b><u>(15.763.215.388)</u></b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

|   | <u>Năm nay</u>     | <u>Năm trước</u>  |
|---|--------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                            | 25.668.495.021     | 13.620.522.586    |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu                                     | 25.668.495.021     | 13.620.522.586    |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | <u>147.553.846</u> | <u>13.800.000</u> |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>   | <b><u>174</u></b>  | <b><u>987</u></b> |

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

## IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tài chính nhưng trước khi Báo cáo tài chính được phép phát hành**  
Không có.
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**  
Không có.
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu**  
Không có.

## X. THÔNG TIN KHÁC

- Giao dịch và số dư với các bên liên quan**  
Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.
  - Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**  
Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong năm, Công ty cũng không phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (năm trước có phát sinh giao dịch về chi phí thuê văn phòng và đặt cọc tiền thuê văn phòng với thành viên Hội đồng quản trị số tiền lần lượt là 658.184.105 VND và 283.380.930 VND).

Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt, Ban kiểm soát*

|  |                           | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>          |
|--|---------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Ông Thái Hoàng Long – Tổng Giám đốc      | Bổ nhiệm ngày 19/9/2025   | 1.200.000.000               | -                         |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 19/9/2025 |                             |                           |
|  | Bổ nhiệm ngày 26/12/2024  | 611.818.888                 | -                         |
| Ông Lê Quang Tiến - Tổng Giám đốc        | Miễn nhiệm ngày 30/9/2024 | -                           | 135.923.977               |
| <b>Cộng</b>                              |                           | <b><u>1.811.818.888</u></b> | <b><u>135.923.977</u></b> |

### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

| <b>Các bên liên quan khác</b>                    | <b>Mối quan hệ</b>  |
|--|---|
| Tin Global Pte. Ltd.                             | Cổ đông sở hữu 49% vốn điều lệ  |
| Công ty Cổ phần Du lịch Minh Thành               | Cổ đông sở hữu 20,62% vốn điều lệ   |
| Công ty Cổ phần TNP Capital                      | Cổ đông sở hữu 14,84% vốn điều lệ   |
| Công ty Cổ phần Vina Diamond                     | Cổ đông   |
| Công ty TNHH Risk Nova Advisory                  | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt   |
| Công ty Cổ phần J&P Investment                   | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt   |
| Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt   |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Việt Tín                | Năm trước là công ty có cùng đại diện theo pháp luật (năm nay không còn là bên liên quan)                                       |
| Công ty TNHH Đất Việt Nam                        | Năm trước là công ty có cùng đại diện theo pháp luật (năm nay không còn là bên liên quan)                                       |
| Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Tín             | Năm trước là công ty có thành viên quản lý chủ chốt là đại diện theo pháp luật của Công ty (năm nay không còn là bên liên quan) |
| Quỹ đầu tư Phát triển Việt Tín                   | Quỹ thành viên do Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Tín quản lý (năm nay không còn là bên liên quan)                             |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

|   | <u>Năm nay</u>    | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------|------------------|
| <b>Tin Global Pte. Ltd.</b>               |                   |                  |
| Góp vốn                                   | 1.420.020.000.000 | -                |
| <b>Công ty Cổ phần Du lịch Minh Thành</b> |                   |                  |
| Góp vốn                                   | 558.488.070.000   | -                |
| <b>Công ty Cổ phần TNP Capital</b>        |                   |                  |
| Góp vốn                                   | 450.450.000.000   | -                |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 2. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

|                      | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 4.706.821.800                | 4.706.821.800                |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 18.827.287.200               | 18.827.287.200               |
| Trên 5 năm           | 5.105.516.900                | 9.877.711.225                |
| <b>Cộng</b>          | <b><u>28.639.625.900</u></b> | <b><u>33.411.820.225</u></b> |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 418,5 m<sup>2</sup> diện tích văn phòng tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower tại số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 246.570.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 8 năm tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2024.
- Tổng số tiền thuê 261,4 m<sup>2</sup> diện tích văn phòng tại tầng 3 tòa nhà Gelex Tower, số 52 đường Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội với giá thuê là 557.250 VND/m<sup>2</sup>/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 6 năm tính từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.

### 3. Thông tin về bộ phận

Tổng Giám đốc của Công ty xem xét, đánh giá và quyết định không lập và trình bày thông tin báo cáo bộ phận do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ. Kết quả hoạt động được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động của Công ty trên Báo cáo kết quả hoạt động. Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Với các lý do nêu trên, Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình hoạt động hiện tại của Công ty.

### 4. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh như sau:

|   | <u>Mã số</u> | <u>Số liệu trước điều chỉnh</u> | <u>Các điều chỉnh</u> | <u>Số liệu sau điều chỉnh</u> |
|---|--------------|---------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| <b>Báo cáo tình hình tài chính (các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính)</b>                           |              |                                 |                       |                               |
| Tiền gửi của khách hàng   | 026          | 5.077.587.343                   | 3.450.000             | 5.081.037.343                 |
| Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý                 | 027          | 5.077.587.343                   | 3.450.000             | 5.081.037.343                 |
| Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý            | 031          | 5.077.587.343                   | 3.450.000             | 5.081.037.343                 |
| Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | 031.1        | 4.751.668.004                   | 3.450.000             | 4.755.118.004                 |
| Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán  | 032          | 3.450.000                       | (3.450.000)           | -                             |



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|  | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh |
|--|-------|--------------------------|----------------|------------------------|
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (phân lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng)</i> |       |                          |                |                        |
| Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng                                       | 07    | 10.393.821.414           | 3.450.000      | 10.397.271.414         |
| Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ  | 20    | 4.263.422.660            | 3.450.000      | 4.266.872.660          |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng  | 40    | 5.077.587.343            | 3.450.000      | 5.081.037.343          |
| Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ   | 41    | 5.077.587.343            | 3.450.000      | 5.081.037.343          |
| Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý          | 42    | 5.077.587.343            | 3.450.000      | 5.081.037.343          |

## 5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Dương Thị Cẩm Vân  
Người lập

Hồ Thị Kiều  
Kế toán trưởng



Thái Hoàng Long  
Tổng Giám đốc

